

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**
Bản án số: **02/2021/KDTM-ST**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày: 22/3/2021

“V/v tranh chấp về hợp đồng mua bán (yêu cầu thanh toán tiền mua bán phụ gia xi măng)”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quang Toại.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Tấn Sinh và bà Phạm Thị Lan.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLST –KDTM ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc: *“Tranh chấp về hợp đồng mua bán (yêu cầu thanh toán tiền mua bán phụ gia xi măng)”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH MTV Xây dựng I (tên viết tắt là: I – ICC);

Địa chỉ trụ sở: Số 48, xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn Gi, chức vụ: Giám đốc I-ICC.

Người đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ông Đỗ Thành S, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh I - ICC - Quảng Ngãi theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 81/QĐ-CT, ngày 21/11/2019 của Giám đốc I-ICC.

Địa chỉ: Khu Công nghiệp T, xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Bùi Thị Vân K, chức vụ: Phụ trách Tài chính - Kế toán của Chi nhánh I-ICC tại Quảng Ngãi theo Giấy ủy quyền số 10/UQ-CN, ngày 14/9/2020 của Giám đốc Chi nhánh I-ICC - Quảng Ngãi; có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Xi măng M;

Địa chỉ trụ sở: thôn T, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Vũ C, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, chức vụ: Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán Công ty Cổ phần Xi măng M theo giấy ủy quyền số 70/UQ-XMMT, ngày 30/11/2020 của Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng M; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện ghi ngày 11/11/2020 của Công ty TNHH MTV Xây dựng I (tên viết tắt là: I – ICC) và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Phan Văn Gi đại diện theo pháp luật và bà Bùi Thị Vân K đại diện theo ủy quyền của Công ty trình bày như sau:

Công ty Cổ phần Xi măng M với Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Xây dựng I tại Quảng Ngãi (sau đây viết tắt là: Chi nhánh I – ICC - Quảng Ngãi) có bán sản phẩm puzolan sơ chế thương hiệu Núi Đầu Voi cho Công ty Cổ phần Xi măng M theo các hợp đồng sau: Hợp đồng số 71/HĐKT/2012 ngày 10 tháng 7 năm 2012; Hợp đồng số 154/HĐKT/2012 ngày 24/10/2012; Hợp đồng số 01/HĐKT/2013 ngày 01 tháng 01 năm 2013 và Hợp đồng số 10/HĐKT/2013 ngày 24 tháng 6 năm 2013.

Theo thỏa thuận trong các hợp đồng, số lượng dự kiến mua bán là: 300.000 tấn;

Bên bán đã giao cho bên mua số lượng phụ gia: 14.710,92 tấn;

Tổng giá trị hàng hóa đã giao theo các hợp đồng là: 3.208.214.280 đồng.

Bên mua đã thanh toán cho bên bán tổng giá trị hàng hóa mua bán là: 2.782.476.020 đồng, trong đó; thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản: 2.529.041.020 đồng, đối trừ công nợ xi măng: 253.435.000 đồng; số tiền còn nợ 425.738.260 đồng. Tính đến ngày đối chiếu công nợ lần sau cùng ngày 31/12/2019 (*theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2019*) thì Công ty Cổ phần Xi măng M đã thanh toán được 2.782.476.020 đồng, số tiền còn nợ lại là 425.738.260 đồng. Từ ngày 31/12/2019 đến nay, mặc dù, I – ICC - Quảng Ngãi đã đến làm việc trực tiếp và gửi nhiều văn bản đề nghị thanh toán nhưng Công ty Cổ phần Xi măng M vẫn chưa thanh toán đủ tiền cho I – ICC - Quảng Ngãi.

Vì vậy, Công ty I-ICC yêu cầu buộc Công ty Cổ phần Xi măng M thanh toán cho Công ty I-ICC số tiền tính đến ngày 18/01/2021 như sau: 425.738.260 đồng (*Bốn trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi đồng*), về lãi suất chậm thanh toán: không yêu cầu.

Ngoài ra, nguyên đơn không trình bày gì thêm.

Tại văn bản phản hồi ý kiến ngày 31/12/2020, tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày như sau:

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn công nhận như sau: Công ty Cổ phần Xi măng M và Chi nhánh I – ICC - Quảng Ngãi có ký kết 04 hợp đồng kinh tế gồm:

hợp đồng số 71/HĐKT/2012 ngày 10 tháng 7 năm 2012, hợp đồng số 154/HĐKT/2012 ngày 24/10/2012, hợp đồng số 01/HĐKT/2013 ngày 01 tháng 01 năm 2013 và Hợp đồng số 10/HĐKT/2013 ngày 24 tháng 6 năm 2013 về việc mua bán sản phẩm puzolan sơ chế thương hiệu Núi Đầu Voi như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng.

Qua nhiều lần thanh toán, đối chiếu công nợ từ năm 2012 đến năm 2019, Công ty Cổ phần Xi măng M còn nợ chưa thanh toán cho Chi nhánh I – ICC – Quảng Ngãi số tiền 425.738.260 đồng là đúng, hai bên thống nhất không tính lãi chậm thanh toán. Tuy nhiên, vì nguyên nhân khách quan, bất khả kháng là người dân xung quanh ngăn cản, nhà máy không thể hoạt động được nên không có khả năng trả nợ cho Chi nhánh I - ICC - Quảng Ngãi. Hiện nay, Công ty vẫn đang làm việc với Văn phòng Chính phủ, UBND tỉnh Quảng Ngãi, các bộ ban ngành liên quan để giải quyết, sớm đưa nhà máy vào hoạt động trong thời gian sớm nhất. Đề nghị Công ty I - ICC rút toàn đơn khởi kiện đối với Công ty Cổ phần Xi măng M để tiếp tục chia sẻ, tạo điều kiện về mặt thời gian cho Công ty CP xi măng M tiếp tục giải quyết các vấn đề liên quan đến Công ty và khoản công nợ của Công ty I - ICC. Khi nhà máy hoạt động trở lại và Công ty có nguồn tài chính thì sẽ xử lý khoản nợ này cho Công ty I - ICC.

Ngoài ra, bị đơn không trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Xây dựng I (tên viết tắt là: I – ICC) và bị đơn Công ty Cổ phần Xi măng M đều là pháp nhân có đăng ký kinh doanh, các bên có tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng mua bán và đều có mục đích lợi nhuận nên hợp đồng mua bán giữa hai bên được xác định là hợp đồng thương mại theo quy định tại Điều 24 của Luật thương mại, Điều 385, Điều 398 và Điều 430 của Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1, Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện: Chi nhánh I – ICC – Quảng Ngãi là đơn vị không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc Công ty I – ICC, được thành lập theo Quyết định số 187/QĐ-CT, ngày 01/12/2012 và Điều lệ Chi nhánh I – ICC – Quảng Ngãi của Chủ tịch Công ty I – ICC. Theo tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì khoản nợ gốc phát sinh từ các Hợp đồng số 71/HĐKT/2012 ngày 10 tháng 7 năm 2012, Hợp đồng số 154/HĐKT/2012 ngày 24/10/2012, Hợp đồng số 01/HĐKT/2013 ngày 01 tháng 01 năm 2013, Hợp đồng số 10/HĐKT/2013 ngày 24 tháng 6 năm 2013; đối chiếu công nợ lần sau cùng theo biên bản đối chiếu công

nợ ngày 31/12/2019. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 157 và điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự và Điều 319 của Luật Thương mại thì thời hiệu khởi kiện được tính lại từ ngày 31/12/2019 nên Công ty I – ICC được quyền khởi kiện yêu cầu thanh toán các khoản nợ phát sinh từ các hợp đồng nêu trên.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Xét về giao dịch mua bán hàng hóa:*

Về tư cách tham gia giao kết hợp đồng: Hợp đồng số 71/HĐKT/2012 ngày 10 tháng 7 năm 2012, Hợp đồng số 154/HĐKT/2012 ngày 24/10/2012, Hợp đồng số 01/HĐKT/2013 ngày 01 tháng 01 năm 2013, Hợp đồng số 10/HĐKT/2013 ngày 24 tháng 6 năm 2013 được giao kết giữa Giám đốc Chi nhánh Công ty I – ICC – Quảng Ngãi và Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng M là phù hợp theo quy định tại Điều 12, Điều 14, Điều 100 của Luật doanh nghiệp 2020, Điều 24 của Luật thương mại và Điều lệ của hai doanh nghiệp.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty I – ICC và đại diện Công ty Cổ phần Xi măng M đều công nhận: Chi nhánh Công ty I – ICC - Quảng Ngãi và Công ty Cổ phần Xi măng M có xác lập các Hợp đồng số 71/HĐKT/2012 ngày 10 tháng 7 năm 2012, Hợp đồng số 154/HĐKT/2012 ngày 24/10/2012, Hợp đồng số 01/HĐKT/2013 ngày 01 tháng 01 năm 2013, Hợp đồng số 10/HĐKT/2013 ngày 24 tháng 6 năm 2013 về việc mua bán sản phẩm puzolan sơ chế thương hiệu Núi Đầu Voi; theo đó; Bên bán là: Chi nhánh Công ty I – ICC – Quảng Ngãi (theo hợp đồng gọi tắt là: Bên B) và bên mua là: Công ty Cổ phần Xi măng M (theo hợp đồng gọi tắt là: Bên A).

Quá trình thực hiện hợp đồng các bên thừa nhận như sau:

Bên bán đã giao số lượng phụ gia (sản phẩm puzolan sơ chế thương hiệu Núi Đầu Voi): 14.710,92 tấn, với tổng giá trị hàng hóa đã giao theo các hợp đồng là: 3.208.214.280 đồng (bên bán đã xuất đầy đủ hóa đơn GTGT cho bên mua).

Bên mua đã thanh toán: 2.782.476.020 đồng, trong đó; thanh toán bằng tiền mặt + chuyển khoản là: 2.529.041.020 đồng, đối trừ công nợ mua xi măng: 253.435.000 đồng;

Số tiền còn nợ tính đến ngày đối chiếu công nợ lần sau cùng ngày 31/12/2019 là: 425.738.260 đồng; số tiền nợ này được phát sinh lũy kế qua các hợp đồng và tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì các hợp đồng nêu trên chưa được các bên tham gia giao dịch thanh lý hợp đồng nên quyền, nghĩa vụ vẫn còn phát sinh.

[2.2] *Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc của nguyên đơn:*

Quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, đại diện Công ty I – ICC và đại diện Công ty Cổ phần Xi măng M đều công nhận: Công ty Cổ phần Xi măng M còn nợ chưa thanh toán cho Công ty I – ICC số tiền: 425.738.260 đồng là phù hợp theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2019, quá trình thanh toán tiền theo các hợp đồng và các lần đối chiếu công nợ từ năm 2012 đến năm 2019. Áp dụng

Điều 440 của Bộ luật dân sự; Điều 50, Điều 55 của Luật thương mại Hội đồng xét xử đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu thanh toán nợ gốc của nguyên đơn, buộc Công ty Cổ phần Xi măng M phải thanh toán cho Công ty I – ICC số tiền nợ gốc là: 425.738.260 đồng.

Các điều, khoản khác thỏa thuận trong các hợp đồng nêu trên, các bên không có tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] *Xét ý kiến của đại diện bị đơn Công ty Cổ phần Xi măng M:* Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu nguyên đơn rút đơn khởi kiện để gia hạn nợ cho bị đơn. Tuy nhiên, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý rút đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét việc đình chỉ giải quyết vụ án.

[3] *Về án phí:*

[3.1] *Về nghĩa vụ chịu án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Công ty Cổ phần Xi măng M có nghĩa vụ chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là: 21.029.530 đồng (*hai mươi một triệu, không trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm ba mươi đồng*).

[3.2] *Xử lý tiền tạm ứng án phí:* Hoàn trả lại cho Công ty I - ICC tiền tạm ứng án phí do bà Bùi Thị Vân K đã nộp là: 10.514.765 đồng (*mười triệu, năm trăm mười bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi lăm đồng*).

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

Các Điều 12, Điều 14, Điều 100 của Luật doanh nghiệp 2020;

Điểm b khoản 1 Điều 157, điểm d khoản 1 Điều 688, Điều 398 và Điều 440 của Bộ luật dân sự;

Các Điều 24 Điều 50, Điều 55 và Điều 319 của Luật thương mại;

Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 267 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận đơn khởi kiện ghi ngày 11/11/2020 của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Xây dựng I về việc yêu cầu Công ty Cổ phần Xi măng M thanh toán nợ gốc còn lại **425.738.260** đồng (*bốn trăm hai mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, hai trăm sáu mươi đồng*) theo các Hợp đồng số 71/HĐKT/2012 ngày 10 tháng 7 năm 2012, Hợp đồng số 154/HĐKT/2012 ngày 24/10/2012, Hợp đồng số 01/HĐKT/2013 ngày 01 tháng 01 năm 2013, Hợp đồng số 10/HĐKT/2013 ngày 24 tháng 6 năm 2013; đối chiếu công nợ ghi ngày 31/12/2019, giữa: Công ty Cổ phần Xi măng M và Chi nhánh Công ty TNHH MTV Xây dựng I tại Quảng Ngãi (tên viết tắt: I – ICC - Quảng Ngãi).

2.2. Buộc Công ty Cổ phần Xi măng M có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV Xây dựng I số tiền nợ gốc còn lại là: **425.738.260** đồng (*bốn trăm hai mươi lăm triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, hai trăm sáu mươi đồng*).

Về lãi suất: Công ty TNHH MTV Xây dựng I không yêu cầu Công ty Cổ phần Xi măng M thanh toán lãi suất nên không giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự 2008, các Điều 7, 7a, 7b của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự 2008.

2.3. Về án phí:

2.3.1. *Về nghĩa vụ chịu án phí:* Công ty Cổ phần Xi măng M có nghĩa vụ chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là: 21.029.530 đồng (*hai mươi một triệu, không trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm ba mươi đồng*).

2.3.2. *Xử lý tiền tạm ứng án phí:* Hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV Xây dựng I tiền tạm ứng án phí do bà Bùi Thị Vân K đã nộp là: 10.514.765 đồng (*mười triệu, năm trăm mười bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi lăm đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000989, ngày 20/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2.4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 22/3/2021).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, THADS huyện S;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Quang Toại

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Bùi Tấn Sinh Phạm Thị Lan

Lê Quang Toại

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tố Nga Bùi Tấn Ba

Lê Quang Toại

[2.4.3] *Về tính lãi suất chậm thanh toán*: Cách tính lãi suất chậm thanh toán, thời điểm tính lãi chậm thanh toán của nguyên đơn là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử cần tính lại như sau:

+ Dư nợ từ trước ngày 30/4/2015 là: **811.289.383 đồng**, thời điểm chậm thanh toán từ ngày nguyên đơn yêu cầu 30/11/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm (10/10/2017) là: 22 tháng, 11 ngày; thành tiền lãi là: 811.289.383 đồng X 0,75%/tháng X (22 tháng + 11 ngày) = **136.093.785 đồng**.

+ Dư nợ chưa thanh toán của hóa đơn GTGT số: 0000503, ngày 30/11/2015 là: **53.589.500 đồng**, thời điểm chậm thanh toán từ ngày 30/01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (10/10/2017); thành tiền lãi suất là: **53.589.500 đồng** X 0,75%/tháng X (20 tháng + 11 ngày) = **9.793.483 đồng**.

+ Dư nợ hóa đơn GTGT số: 0000616, ngày 31/01/2016 là: **85.022.750 đồng**, thời điểm chậm thanh toán từ ngày 31/3/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (10/10/2017); thành tiền lãi suất là: 85.022.750 đồng X 0,75%/tháng X (18 tháng + 10 ngày) = **11.690.617 đồng**.

+ Dư nợ hóa đơn GTGT số: 0000635, ngày 28/02/2016 là: 59.545.200 đồng, thời điểm chậm thanh toán từ ngày 28/4/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (10/10/2017); thành tiền lãi suất là: **59.545.200 đồng** X 0,75%/tháng X (17 tháng + 13 ngày) = **7.785.534 đồng**.

+ Dư nợ hóa đơn GTGT số: 0000710, ngày 31/3/2016 là: **156.911.950 đồng**, thời điểm chậm thanh toán từ ngày 31/5/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (10/10/2017); thành tiền lãi suất là: 156.911.950 đồng X 0,75%/tháng X 16 tháng +

10 ngày) = **19.221.713 đồng**.

+ Dư nợ hóa đơn GTGT số: 0000761, ngày 30/4/2016 là: **134.341.000 đồng**, thời điểm chậm thanh toán từ ngày 30/6/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (10/10/2017); thành tiền lãi suất là: **134.341.000 đồng** X 0.75%/tháng X 15 tháng + 10 ngày) = **15.449.214 đồng**.

+ Dư nợ hóa đơn GTGT số: 0000802, ngày 31/5/2016 là: **135.918.000 đồng**, thời điểm chậm thanh toán từ ngày 31/7/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (10/10/2017); thành tiền lãi suất là: **135.918.000 đồng** X 0.75%/tháng X 14 tháng + 09 ngày) = **14.577.205 đồng**.

Tổng số tiền lãi suất chậm thanh toán như trên là: **214.645.136 đồng**.

